

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2026

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Bình

2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Nam Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2026; về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Trần Kim Y**, sinh năm 1990, căn cước công dân: 060190009578, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: **Số H, đường số G, tổ H, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Lâm Đồng**; Nơi ở hiện nay: **Số H, đường số C, tổ A, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Lâm Đồng**.
Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1990, căn cước công dân: 060090017626, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: **Số H, đường số G, tổ H, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Lâm Đồng**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Chị **Lê Trần Kim Y**, anh **Trần Nguyễn Tấn T** tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận T1 nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi kết hôn thời gian đầu chị **Y**, anh **T** chung sống hạnh phúc. Sau đó, nảy sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến tiền bạc, nợ nần; chị **Y** xảy ra xích mích với bên gia đình anh **T**. Sự việc xảy ra hai bên gia đình có biết và chị **Y**, anh **T** đã tự động viên, khuyên bảo nhau thay đổi nhưng không có kết quả. Do cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên cách đây khoảng 02 tháng chị **Y** đã chuyển về nhà gia đình cha, mẹ ruột sinh sống cho đến nay; thời gian đầu anh **T** có tới tác động, tuy nhiên chị **Y** nhận thấy anh **T** không có thiện chí, nên không đồng ý; từ đó chị **Y**, anh **T** ly thân. Hiện nay chị **Y** không còn tình cảm và không mong muốn sống chung với anh **T** nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống chị **Y**, anh **T** có 02 người con chung là **Trần Quế L**, sinh ngày 17/10/2015 và **Trần Đại P**, sinh năm 18/3/2019. Hiện các con đang ở với anh **T**. Khi ly hôn chị **Y** có nguyện vọng nuôi 02 con và yêu cầu anh **T** cấp dưỡng mỗi người con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Chị **Y** hiện làm giáo viên Mầm non **Trường M**, thu nhập hàng tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), ngoài ra không có thu nhập nào khác; chị **Y** đã có nhà riêng do cha, mẹ ruột cho. Chị **Y** không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên toà bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung anh **T** thống nhất như phần trình bày của chị **Y**. Sau khi kết hôn anh **T**, chị **Y** chung sống hạnh phúc, tuy nhiên cuộc sống đôi khi có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhất như bất đồng quan điểm, vợ chồng nói qua nói lại, xảy ra nợ nần, xích mích giữa chị **Y** với em dâu. Sự việc xảy ra anh **T**,

chị **Y** có tự khuyên bảo, động viên nhau nhưng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước.

Cách đây khoảng 02 tháng chị **Y** bỏ về sinh sống cùng cha, mẹ ruột; thời gian đầu anh **T** có tới khuyên bảo, động viên nhưng chị **Y** không đồng ý; từ đó, anh **T**, chị **Y** ly thân. Mặc dù, cuộc sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, tuy nhiên theo anh **T** chưa đến mức ly hôn nên đề nghị Toà án hoà giải để chị **Y**, anh **T** đoàn tụ.

Nếu ly hôn anh **T** có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị **Y** phải cấp dưỡng. Trường hợp Toà án giao cả hai con cho chị **Y** trực tiếp nuôi dưỡng anh **T** đồng ý cấp dưỡng mỗi người con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Anh **T** hiện làm công nhân, ngoài ra còn phụ gia đình cạo mũ su, chăn nuôi nên thu bình quân hàng tháng là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) và đã có nhà riêng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị **Y** được ly hôn với anh **T**, giao 02 con chung cho chị **Y** trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh **T** phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng/con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị **Lê Trần Kim Y** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết quyền nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con với anh **Trần Nguyễn Tấn T** hiện

thường trú tại **xã H, tỉnh Lâm Đồng** nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Lâm Đồng và quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng*” được quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung.

[2] Chị **Lê Trần Kim Y**, anh **Trần Nguyễn Tấn T** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 12/5/2014, số vào sổ 43/2014, quyền số 01/2014 tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận** nay là **Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng** đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị **Y**, anh **T** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù các bên đã nhiều lần tự khuyên bảo, động viên nhau thay đổi nhưng vẫn không có kết quả nên chị **Y**, anh **T** đã ly thân; hiện nay chị **Y** không còn tình cảm với anh **T** nên đề nghị giải quyết ly hôn.

Anh **T** thừa nhận sau khi ly thân mặc dù anh **T** đã cố gắng tác động, khuyên bảo chị **Y** quay về chung sống hạnh phúc nhưng chị **Y** không đồng ý; sau khi thụ lý vụ án Tòa án cũng đã tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ nhưng chị **Y** không đồng ý; tại phiên tòa chị **Y** vẫn cương quyết ly hôn.

Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị **Y** và anh **T** đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu có tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Nên, cần xử cho chị **Y** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Chị **Y**, anh **T** đều có nguyện vọng được quyền nuôi hai con chung **Trần Quế L**, sinh ngày 17/10/2015 và **Trần Đại P**, sinh năm 18/3/2019.

Xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, chị **Y**, anh **T** đều có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên, các con của chị **Y**, anh **T** đã trên 07 tuổi, tại các bản khai các con đều có nguyện vọng ở với chị **Y**; đồng thời chị **Y** hiện làm giáo viên nên có thời gian, điều kiện khả năng chăm sóc giáo dục các con được tốt hơn; nên cần giao các con cho chị **Y** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Chị **Y** yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/con. Nhận thấy, yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị **Y** là chính đáng, có căn cứ, bởi lẽ chị **Y** là người trực tiếp nuôi con, nên anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, đồng thời mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/con mà chị **Y** đưa ra phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của các con, tại phiên tòa anh **T** cũng đồng ý mức cấp dưỡng này nên cần chấp nhận là phù hợp.

[5] Các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[6] Chị **Y** phải chịu án phí ly hôn, anh **T** phải chịu án phí cấp dưỡng.

[7] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2025; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Trần Kim Y**.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Lê Trần Kim Y** được ly hôn với anh **Trần Nguyễn Tấn T**.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 12/5/2014, số vào sổ 43/2014, quyền số 01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cho chị **Lê Trần Kim Y** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung **Trần Quế L**, sinh ngày 17/10/2015 và **Trần Đại P**, sinh năm 18/3/2019.

Anh **Trần Nguyễn Tấn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Lê Trần Kim Y** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **T**.

3. *Về cấp dưỡng*: Anh **Trần Nguyễn Tấn T** phải cấp dưỡng tiền nuôi người con chung **Trần Quế L**, sinh ngày 17/10/2015 và **Trần Đại P**, sinh năm 18/3/2019 cho chị **Lê Trần Kim Y** mỗi tháng, mỗi người con là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Chị **Y** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về án phí*: Chị **Lê Trần Kim Y** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0000455, ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị **Y** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh **Trần Nguyễn Tấn T** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT, TT&THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- UBND xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THA DS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường